

Số: /QĐ-UBND An Giang, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Công Thương thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân tỉnh trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại trên địa bàn tỉnh An Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại;

Căn cứ Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương;

Căn cứ Thông tư số 43/2025/TT-BCT ngày 04 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 133/TTr-SCT ngày 26 tháng 8 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ủy quyền cho Giám đốc Sở Công Thương thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân tỉnh trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại trên địa bàn tỉnh An Giang

- Nội dung ủy quyền thực hiện theo Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.
- Thời hạn ủy quyền từ ngày 25 tháng 8 năm 2025 đến ngày 01 tháng 3 năm 2027.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giám đốc Sở Công Thương có trách nhiệm tổ chức thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn đã được ủy quyền và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được ủy quyền.

Điều 3. Điều khoản thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc (Thủ trưởng) các sở ban ngành, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Công Thương;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử phạt vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực Đảng ủy UBND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, ntduy.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Phong

Phụ lục
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ ỦY QUYỀN CHO GIÁM ĐỐC SỞ CÔNG
THƯƠNG THỰC HIỆN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

STT	TÊN NHIỆM VỤ	CƠ SỞ PHÁP LÝ
I	LĨNH VỰC DẦU KHÍ	
1	Chấp thuận các tài liệu quản lý an toàn đối với các công trình dầu khí trên địa bàn trừ các công trình có quy mô tài liệu thuộc thẩm quyền chấp thuận của Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Thông tư số 40/2018/TT-BCT ngày 30 tháng 10 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định về xây dựng và nội dung các tài liệu quản lý an toàn trong hoạt động dầu khí được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thuộc quản lý của Bộ Công Thương.	Khoản 3 Điều 4 Thông tư 38/2025/TT-BCT
II	LĨNH VỰC XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI	
1	Đăng ký của thương nhân tổ chức khi cho thương nhân khác tham gia hội chợ, triển lãm thương mại ở nước ngoài theo quy định tại khoản 2 Điều 133 Luật Thương mại	Điều 12 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP
2	Xác nhận hoặc không xác nhận việc thương nhân tổ chức cho thương nhân, tổ chức, cá nhân tham gia hội chợ, triển lãm thương mại tại nước ngoài (không bao gồm các hoạt động hội chợ, triển lãm thương mại trong khuôn khổ các chương trình, hoạt động xúc tiến thương mại do Thủ tướng Chính phủ quyết định) quy định tại điểm b khoản 2 Điều 29 Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ	Khoản 1 điều 14 Nghị định 146/2025/NĐ-CP
III	LĨNH VỰC KINH DOANH KHÍ	
1	Cấp, cấp điều chỉnh, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG/LNG/CNG quy định tại khoản 1 Điều 44 Điều 45 khoản 2 Điều 46 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ.	Khoản 1 Điều 16 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP
2	Cấp, cấp điều chỉnh, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai LPG quy định tại khoản 1 Điều 44, Điều 45, khoản 2 Điều 46, Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ.	Khoản 2 Điều 16 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP
3	Cấp, cấp điều chỉnh, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất chai LPG mini quy định tại khoản 1 Điều 44, Điều 45, khoản 2 Điều 46, Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ.	Khoản 3 Điều 16 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP
IV	LĨNH VỰC KINH DOANH THUỐC LÁ	
1	Cấp, cấp lại, cấp sửa đổi, bổ sung, thu hồi Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá quy định tại khoản 1 Điều 14, Điều 43 Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ.	Khoản 5 Điều 18 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP
2	Chấp thuận nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điều thuốc lá để sản xuất thuốc lá tiêu thụ trong nước quy định tại điểm d, khoản 2, Điều 36 Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ.	Khoản 6 Điều 18 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP

3	Đồng ý bằng văn bản đối với thuê, mượn, chuyển nhượng máy móc thiết bị chuyên ngành thuốc lá của các doanh nghiệp sản xuất còn dư năng lực sản xuất sản phẩm thuốc lá và việc điều chuyển năng lực sản xuất sản phẩm thuốc lá của doanh nghiệp quy định tại điểm b khoản 3, khoản 4 Điều 21 Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ.	Khoản 7 Điều 18 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP
4	Đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ; đầu tư sản xuất thuốc lá xuất khẩu, gia công thuốc lá xuất khẩu; di chuyển địa điểm theo quy hoạch; đầu tư chế biến nguyên liệu thuốc lá quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định số 67/2013/NĐ-CP.	Khoản 8 Điều 18 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP
5	Nhập khẩu thuốc lá nhằm mục đích phi thương mại quy định tại khoản 3 Điều 31 Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ.	Khoản 9 Điều 18 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP
6	Nhượng bán, xuất khẩu, tái xuất, thanh lý máy móc thiết bị chuyên ngành thuốc lá của các doanh nghiệp sản xuất thuốc lá, chế biến nguyên liệu thuốc lá quy định tại điểm b, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 33 Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ.	Khoản 10 Điều 18 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP
7	Cho phép nhập khẩu máy móc, thiết bị chuyên ngành thuốc lá quy định tại khoản 2 Điều 34 Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ	Khoản 11 Điều 18 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP
8	Chấp thuận nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn thuốc lá để sản xuất xuất khẩu, gia công xuất khẩu quy định tại điểm d khoản 2 Điều 36 Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ.	Khoản 13 Điều 18 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP
9	Cấp, cấp lại, cấp sửa đổi, bổ sung, thu hồi Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá của Bộ Công Thương quy định tại điểm a khoản 1 Điều 28, Điều 43 Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ.	Khoản 1 Điều 19 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP
V	LĨNH VỰC KINH DOANH RƯỢU	
1	Cấp, cấp sửa đổi, bổ sung, cấp lại, thu hồi Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp có quy mô từ 03 triệu lít/năm trở lên quy định tại điểm a, điểm d khoản 1 Điều 25, khoản 2 Điều 33 Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ.	Khoản 1 Điều 20 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP
2	Cấp, cấp sửa đổi, bổ sung, cấp lại, thu hồi Giấy phép phân phối rượu quy định tại điểm a, điểm d, khoản 1 Điều 25, khoản 2 Điều 33 Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ.	Khoản 2 Điều 20 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP
VI	LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN VÀ QUẢN LÝ CHỢ	
1	Chỉ đạo, tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ về phát triển và quản lý chợ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 38 Nghị định số 60/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ.	Điều 21 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP
VII	LĨNH VỰC VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP, TIỀN CHẤT THUỐC NỔ	
1	Huấn luyện, kiểm tra, cấp, cấp lại giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp quy định tại khoản 1 Điều 6, Điều 9 và điểm b, khoản 1, Điều 18, Nghị định số 181/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ.	Khoản 1 Điều 24 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP

2	Cấp, cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất tiền chất thuốc nổ quy định tại khoản 4 Điều 4 Thông tư số 23/2024/TT-BCT ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương	Khoản 3 Điều 1 Thông tư số 38/2025/TT-BCT
3	Cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp cho các tổ chức, doanh nghiệp sử dụng vật liệu nổ trên địa bàn quản lý quy định tại khoản 4 Điều 4 Thông tư số 23/2024/TT-BCT ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương	
VIII	LĨNH VỰC AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG	
1	Cấp, cấp lại chứng chỉ kiểm định viên thuộc thẩm quyền quản lý ngành, lĩnh vực quy định tại khoản 4 Điều 42 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ.	Khoản 1 Điều 27 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP
IX	LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI, XUẤT NHẬP KHẨU	
1	Cấp phép quá cảnh đối với hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu; hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu; hàng hóa cấm kinh doanh theo quy định của pháp luật quy định tại khoản 2 Điều 44 Luật Quản lý ngoại thương năm 2017	Khoản 4 Điều 28 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP
2	Cho phép gia hạn thời gian quá cảnh đối với hàng hóa quá cảnh quy định tại khoản 2 Điều 44 Luật Quản lý ngoại thương theo quy định tại khoản 2 Điều 47 Luật Quản lý ngoại thương năm 2017.	Khoản 5 Điều 28 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP
3	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa và chấp thuận bằng văn bản cho thương nhân tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa xuất khẩu quy định tại Điều 34 Luật Quản lý ngoại thương năm 2017.	Khoản 6 Điều 28 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP
4	Cấp phép nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập đối với tàu bay không người lái, phương tiện bay khác, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái, phương tiện bay khác quy định tại khoản 3 Điều 27 Luật Phòng không nhân dân năm 2024.	Khoản 1 Điều 30 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP
5	Cấp phép nhập khẩu hàng hóa có ảnh hưởng trực tiếp đến quốc phòng, an ninh thuộc Danh mục quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 69/2018/NĐ-CP nhưng không phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh quy định tại khoản 4 Điều 8 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ.	Khoản 5 Điều 31 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP
6	Quản lý thực hiện cấp, thu hồi CFS đối với hàng hóa xuất khẩu quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 11 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ.	Khoản 6 Điều 31 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP
7	Cấp Giấy phép kinh doanh tạm nhập tái xuất quy định tại điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ.	Khoản 7 Điều 31 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP

8	Điều tiết hàng hóa kinh doanh tạm nhập, tái xuất quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ.	Khoản 8 Điều 31 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP
9	Cấp Giấy phép tạm nhập tái xuất theo hình thức khác quy định tại điểm a khoản 1 Điều 15 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ.	Khoản 9 Điều 31 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP
10	Cấp Giấy phép tạm xuất, tái nhập quy định tại điểm a, khoản 1 và điểm a khoản 3 Điều 17 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ.	Khoản 10 Điều 31 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP
11	Cấp Giấy phép kinh doanh chuyển khẩu quy định tại điểm a khoản 1 Điều 18 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ.	Khoản 11 Điều 31 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP
12	Cấp, thu hồi, đình chỉ tạm thời hiệu lực Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất quy định tại khoản 1, Điều 26, khoản 1, khoản 2 Điều 28 và khoản 1 Điều 29 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ; quản lý sử dụng và hoàn trả sổ tiền ký quỹ của doanh nghiệp; tổ chức kiểm tra xác nhận điều kiện về kho, bãi của doanh nghiệp kinh doanh tạm nhập, tái xuất thực phẩm đông lạnh quy định tại Điều 30 và khoản 2 Điều 32 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ.	Khoản 12 Điều 31 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP
13	Cấp Giấy phép quá cảnh đối với hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu; hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu; hàng hóa cấm kinh doanh theo quy định của pháp luật quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ.	Khoản 13 Điều 31 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP
14	Cấp Giấy phép cho thương nhân được ký hợp đồng đại lý mua, bán hàng hóa xuất khẩu theo giấy phép quy định tại khoản 1 Điều 50 Nghị định 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ.	Khoản 14 Điều 31 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP
15	Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, cho phép thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa qua các địa điểm khác không phải là cửa khẩu phụ, lối mở biên giới theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 6 Nghị định số 14/2018/NĐ-CP quy định tại Khoản 3 Điều 6 Nghị định số 14/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ.	Điều 32 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP
16	Cấp, cấp lại, cấp sửa đổi, bổ sung, gia hạn thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu hàng hóa cho thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam quy định tại Điều 6 Nghị định số 90/2007/NĐ-CP.	Điều 33 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP
17	Cấp Giấy phép nhập khẩu sản phẩm thuốc lá để kinh doanh hàng miễn thuế quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 100/2020/NĐ-CP	Điều 34 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP
X	LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CỦA THƯƠNG NHÂN NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM	
1	Cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn, thu hồi Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài và chấm dứt hoạt động của Chi nhánh quy định tại Điều 6, Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ.	Điều 35 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP

2	Cho ý kiến trước khi cấp, thay đổi đăng ký hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa tại các giấy tờ có liên quan theo quy định của Luật đầu tư, Luật doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ.	Khoản 1 Điều 36 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP
3	Xem xét, chấp thuận trong quá trình cấp Giấy phép kinh doanh, Giấy phép lập cơ sở bán lẻ quy định tại khoản 3 Điều 8, Điều 10, Điều 25 và khoản 2 Điều 38 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ	Khoản 2 Điều 36 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP
XI	LĨNH VỰC AN TOÀN THỰC PHẨM	
1	Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước, cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng; kết luận cuối cùng khi có sự khác biệt về kết quả kiểm nghiệm giữa các cơ sở kiểm nghiệm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý quy định tại khoản 8 Điều 39 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ, Điều 25 Nghị định số 77/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ	Khoản 3 Điều 37 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP
2	Chỉ định cơ quan kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm nhập khẩu đối với các sản phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý quy định tại khoản 9 Điều 39 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ.	Khoản 4 Điều 37 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP
3	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương quy định tại khoản 6 Điều 39 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ.	Khoản 5 Điều 37 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP
XII	LĨNH VỰC CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM HÀNG HÓA	
1	Chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp và thừa nhận kết quả đánh giá sự phù hợp quy định tại Điều 18 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ.	Khoản 1 Điều 38 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP
2	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đánh giá sự phù hợp đối với sản phẩm, hàng hóa, quá trình sản xuất, cung ứng dịch vụ, quá trình, môi trường thuộc trách nhiệm, quản lý nhà nước của Bộ Công Thương quy định tại Điều 4 Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp.	Khoản 1 Điều 39 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP
3	Cấp mới, cấp bổ sung, sửa đổi, cấp lại và thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định an toàn kỹ thuật thiết bị, dụng cụ điện theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm hàng hóa quy định tại khoản 1 Điều 19 Thông tư số 02/2025/TT-BCT ngày 01 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực được sửa đổi, bổ sung tại Điều 9 Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương	Điều 9 Thông tư số 38/2025/TT-BCT

4	Cấp, cấp sửa đổi, bổ sung, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đánh giá sự phù hợp (hoạt động thử nghiệm, chứng nhận, giám định, kiểm định chất lượng sản phẩm, hàng hóa); Kiểm tra, giám sát hoạt động của các tổ chức đánh giá sự phù hợp đã được cấp Giấy chứng nhận; xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật quy định tại khoản 1 Điều 14 Thông tư số 36/2019/TT-BCT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa tại khoản 5 Điều 10 Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương	Khoản 5 Điều 10 Thông tư số 38/2025/TT-BCT
5	Cấp, cấp sửa đổi, bổ sung, cấp lại quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp thực hiện việc thử nghiệm, chứng nhận, giám định, kiểm định chất lượng sản phẩm, hàng hóa; Kiểm tra, giám sát hoạt động của các tổ chức đánh giá sự phù hợp đã được chỉ định; xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật quy định tại khoản 2 Điều 14 Thông tư số 36/2019/TT-BCT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa tại khoản 5 Điều 10 Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.	Khoản 5 Điều 10 Thông tư số 38/2025/TT-BCT
6	Cập nhật Danh sách Tổ chức đánh giá sự phù hợp đã cấp, cấp sửa đổi, bổ sung, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đánh giá sự phù hợp; cấp, cấp sửa đổi, bổ sung, cấp lại quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp trên trang thông tin điện tử của địa phương quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 36/2019/TT-BCT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa tại khoản 5 Điều 10 Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.	Khoản 5 Điều 10 Thông tư số 38/2025/TT-BCT
7	Cấp thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy và quản lý hồ sơ công bố hợp quy đối với sản phẩm, hàng hóa quy định tại khoản 4 Điều 14 Thông tư số 36/2019/TT-BCT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa tại khoản 5 Điều 10 Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.	Khoản 5 Điều 10 Thông tư số 38/2025/TT-BCT
8	Tổ chức, chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện việc quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa (bao gồm quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, lưu thông trên thị trường và trong quá trình sử dụng); Xử lý các vi phạm về chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc phạm vi được phân công quản lý theo quy định tại Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa và các văn bản pháp luật có liên quan quy định tại khoản 4 Điều 14 Thông tư số 36/2019/TT-BCT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa tại khoản 5 Điều 10 Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.	Khoản 5 Điều 10 Thông tư số 38/2025/TT-BCT

9	Báo cáo Bộ Công Thương về tình hình quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc phạm vi được phân công quản lý (Báo cáo định kỳ hàng năm và Báo cáo đột xuất) quy định tại khoản 6 Điều 14 Thông tư số 36/2019/TT-BCT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa tại khoản 5 Điều 10 Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.	Khoản 5 Điều 10 Thông tư số 38/2025/TT-BCT
XIII	LĨNH VỰC ĐIỆN LỰC	
1	Cấp giấy phép hoạt động điện lực lĩnh vực phân phối điện quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 22, Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ.	Khoản 1 Điều 43 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP
2	Cấp giấy phép hoạt động điện lực lĩnh vực bán buôn điện, bán lẻ điện quy định tại điểm d và điểm e, khoản 1, Điều 22 Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ.	Khoản 2 Điều 43 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP
3	Cấp mới, cấp sửa đổi, bổ sung, cấp lại và cấp gia hạn giấy phép hoạt động điện lực quy định tại điều 18 Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ.	Khoản 3 Điều 43 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP
4	Thu hồi giấy phép hoạt động điện lực quy định tại khoản 3, Điều 23 Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ.	Khoản 4 Điều 43 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP
XIV	LĨNH VỰC BẢO VỆ QUYỀN LỢI NGƯỜI TIÊU DÙNG	
1	Tiếp nhận và giải quyết yêu cầu hỗ trợ thương lượng của người tiêu dùng quy định tại khoản 3 Điều 56, Điều 57, Điều 58 Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2023.	Khoản 1 Điều 46 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP
2	Tổ chức hoạt động khảo sát, thử nghiệm; công bố kết quả khảo sát, thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; thông tin, cảnh báo cho người tiêu dùng về sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ trong lĩnh vực được phân công quản lý quy định tại khoản 3 Điều 75 Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2023.	Khoản 2 Điều 46 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP
3	Thực hiện việc giao nhiệm vụ cho tổ chức xã hội có tôn chỉ, mục đích tham gia bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng theo quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2023 và quy định của luật khác có liên quan quy định tại khoản 5 Điều 75 Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2023.	Khoản 3 Điều 46 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP
4	Quản lý hoạt động bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng của tổ chức xã hội tham gia bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, tổ chức hòa giải về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng theo quy định của pháp luật quy định tại khoản 6 Điều 75 Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2023.	Khoản 4 Điều 46 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP
5	Tiếp nhận hồ sơ đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung quy định tại khoản 1, Điều 7 của Nghị định số 55/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ.	Khoản 1 Điều 47 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP
6	Tiếp nhận thông báo của tổ chức, cá nhân kinh doanh về tình hình đăng ký và áp dụng hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung quy định tại khoản 3, Điều 7 của Nghị định số 55/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ.	Khoản 2 Điều 47 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP
7	Giải quyết thủ tục thông báo chấm dứt bán hàng đa cấp quy định tại Điều 18, Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ.	Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP
8	Công nhận chương trình đào tạo kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp quy định tại khoản 2 Điều 35 và khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 36 Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ.	Khoản 2 Điều 48 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP

9	Kiểm tra, giám sát hoạt động của cơ sở đào tạo kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp quy định tại khoản 3, Điều 37, Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ.	Khoản 3 Điều 48 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP
10	Kiểm tra, cấp, thu hồi xác nhận kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp quy định tại Điều 38 và Điều 39 Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ.	Khoản 4 Điều 48 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP
11	Kiểm tra, cấp, thu hồi xác nhận kiến thức cho đầu mối tại địa phương quy định tại Điều 38 và Điều 39 Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ.	Khoản 5 Điều 48 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP
XV	LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	
1	Tiếp nhận thủ tục thông báo website thương mại điện tử bán hàng quy định tại khoản 1, Điều 53, Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ.	Khoản 2 Điều 49 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP
2	Tiếp nhận thủ tục thông báo ứng dụng thương mại điện tử bán hàng quy định tại Khoản 3, Điều 25, Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ.	Khoản 3 Điều 49 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP
3	Tiếp nhận thủ tục đăng ký hoạt động đánh giá tín nhiệm website thương mại điện tử quy định tại Điều 60 Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ.	Khoản 4 Điều 49 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP
XVI	LĨNH VỰC KHOÁNG SẢN	
1	Cấp, cấp lại, thu hồi giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản quy định tại Luật Địa chất và Khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024 và Điều 7 Thông tư số 43/2025/TT-BCT ngày 04 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản.	Điều 7 Thông tư số 43/2025/TT-BCT